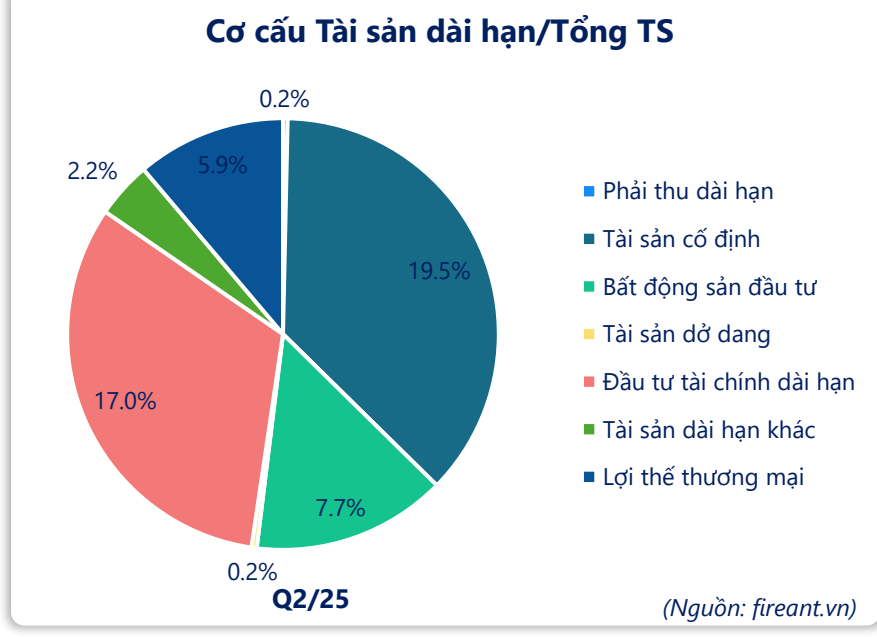
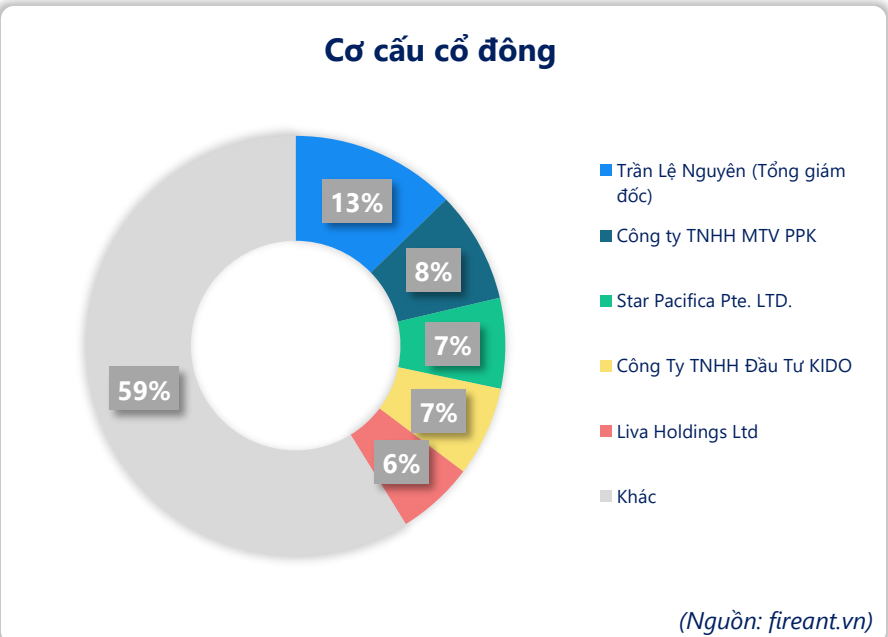
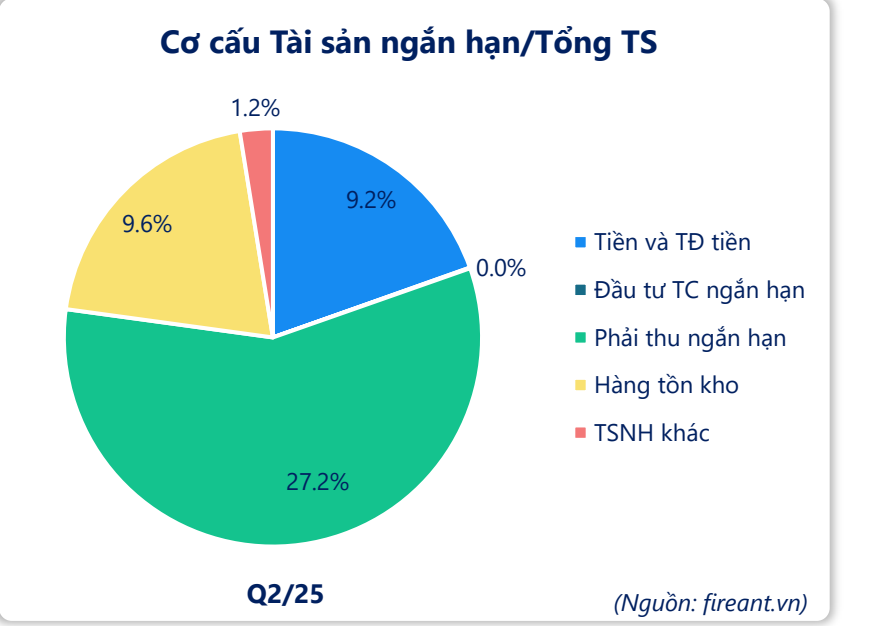
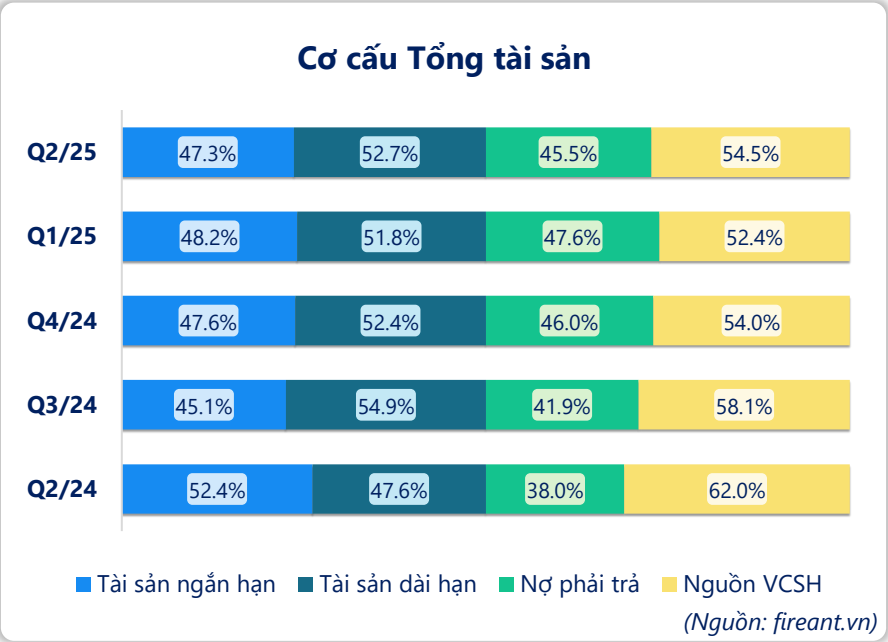
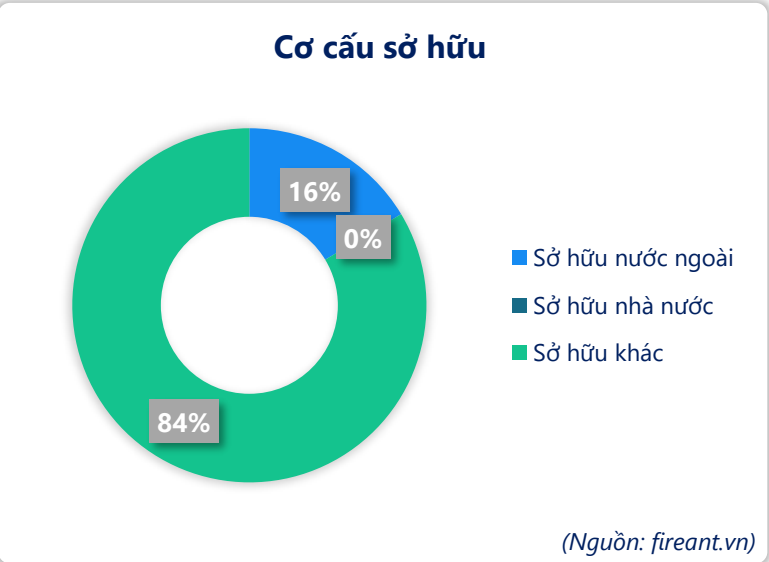
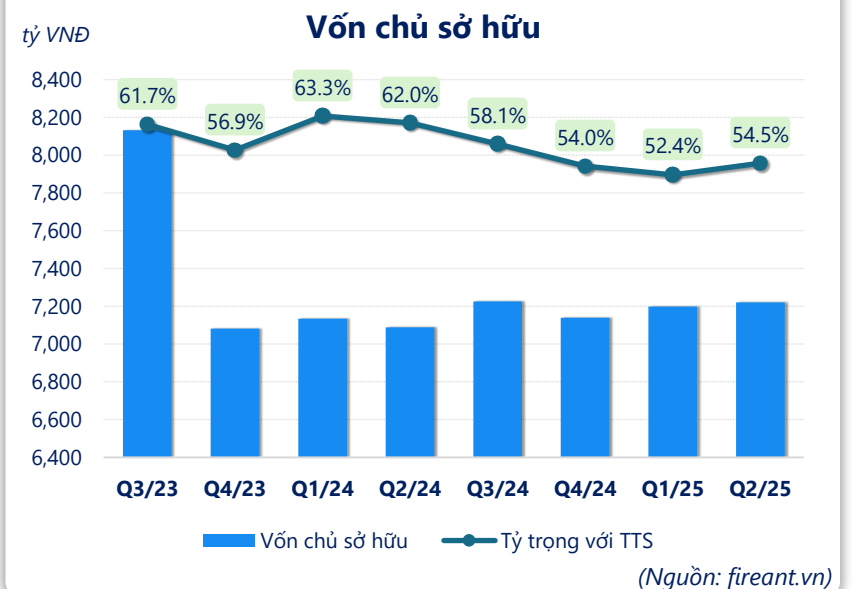
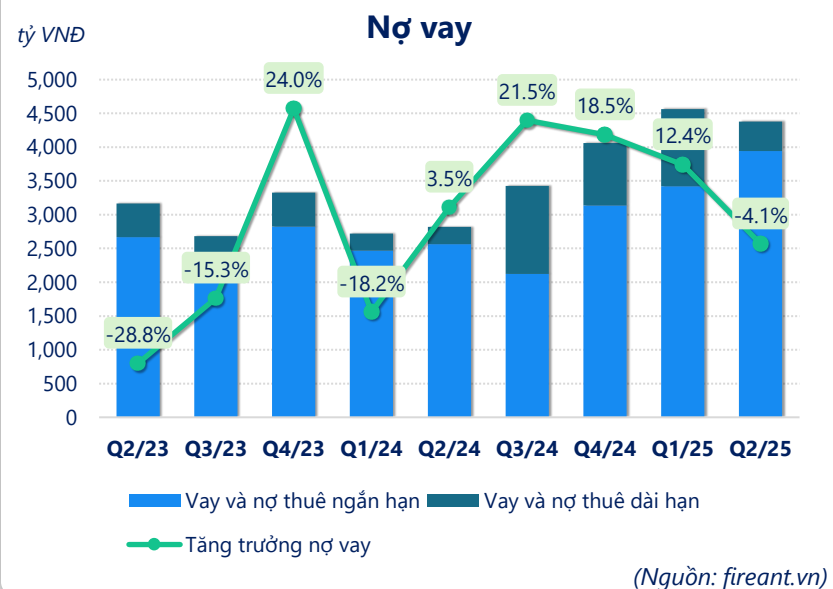
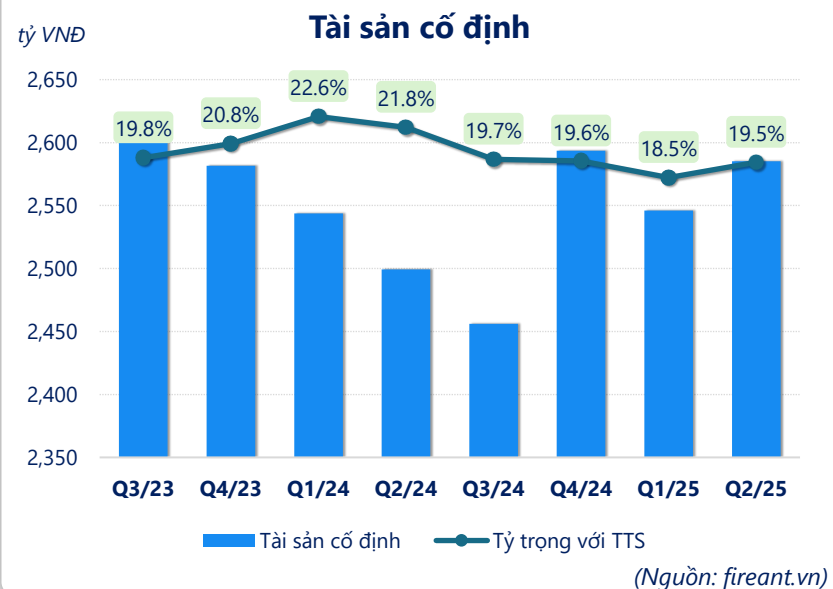
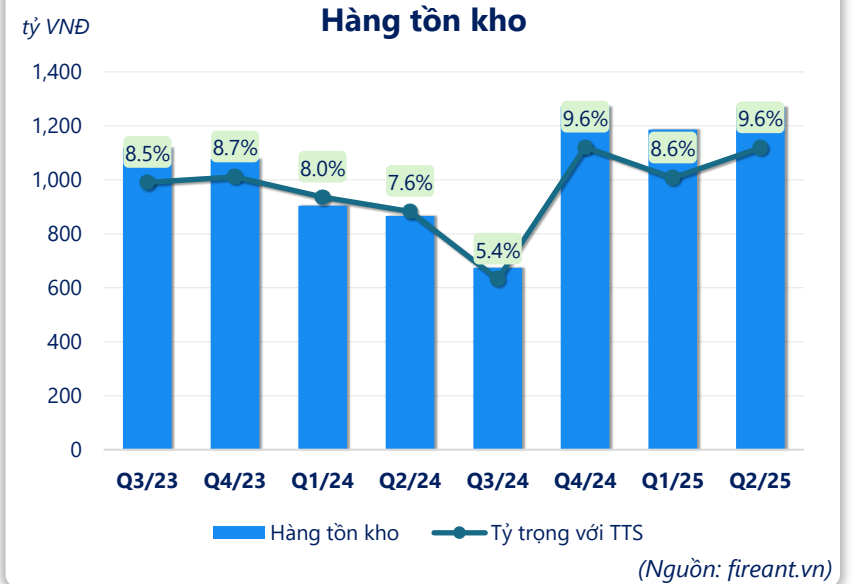
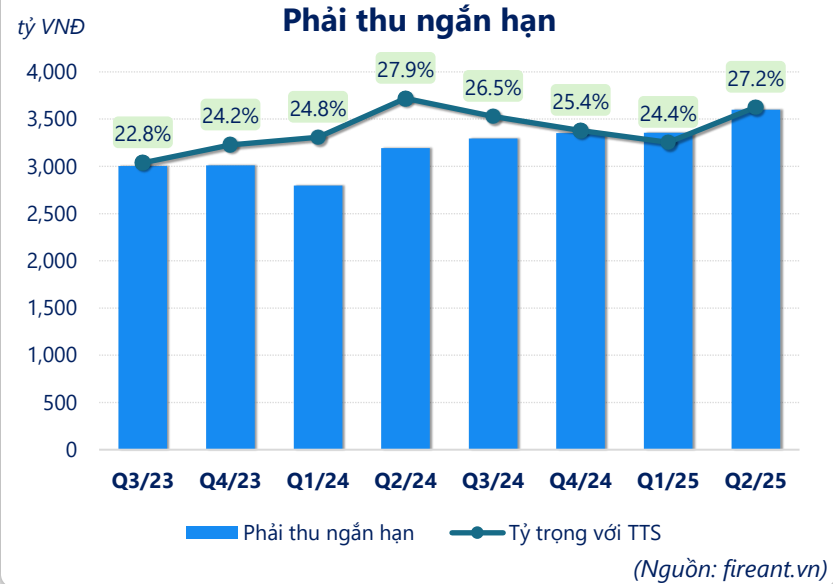
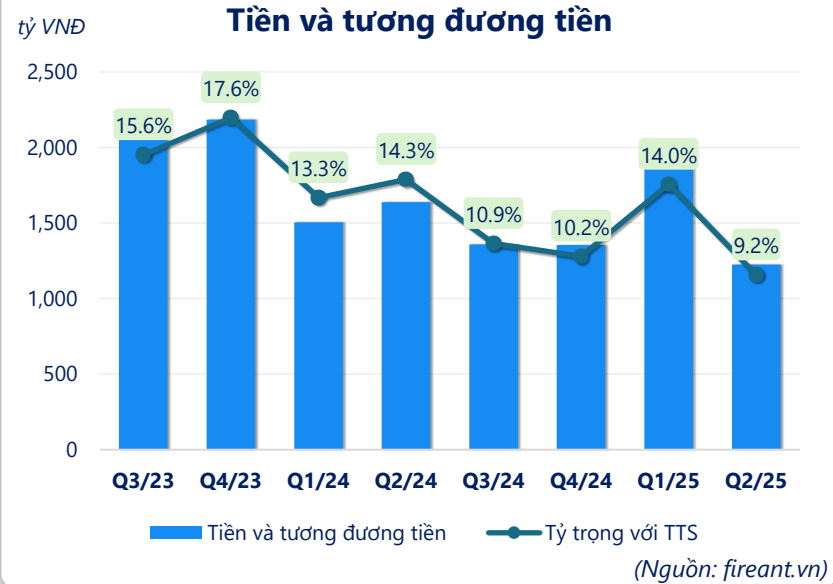
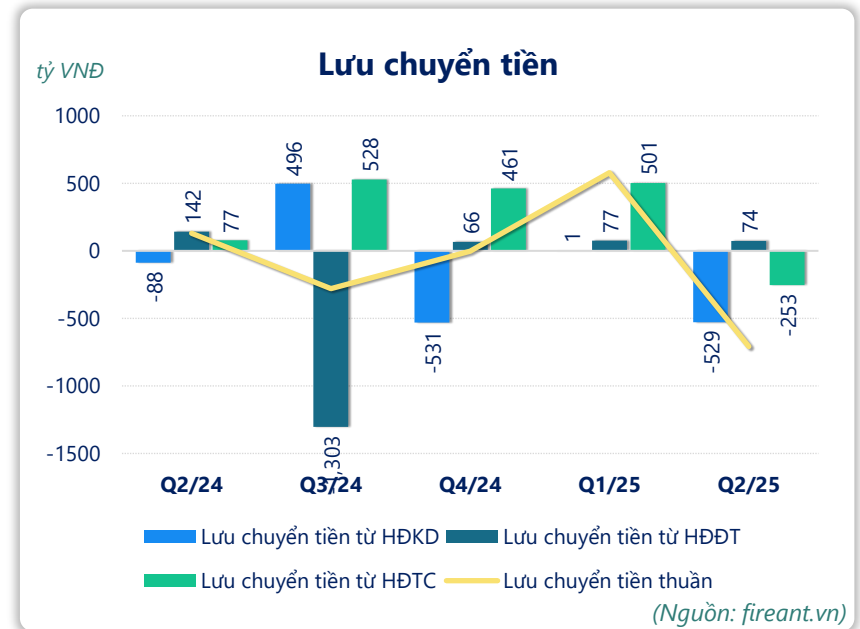
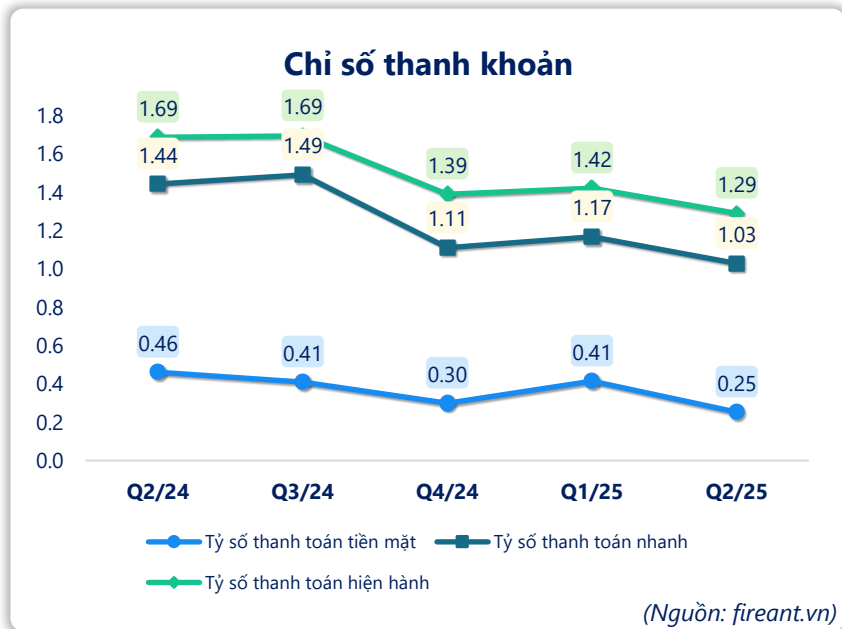
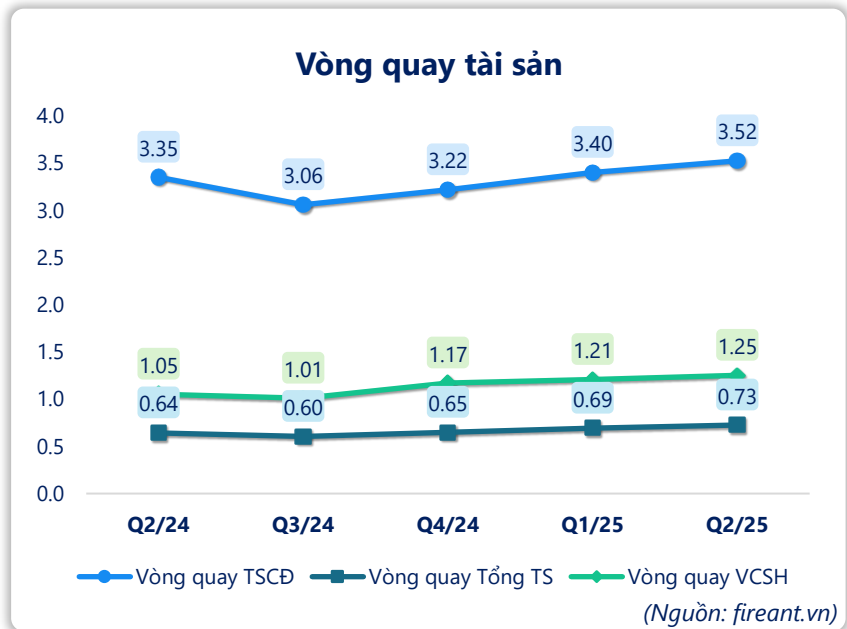
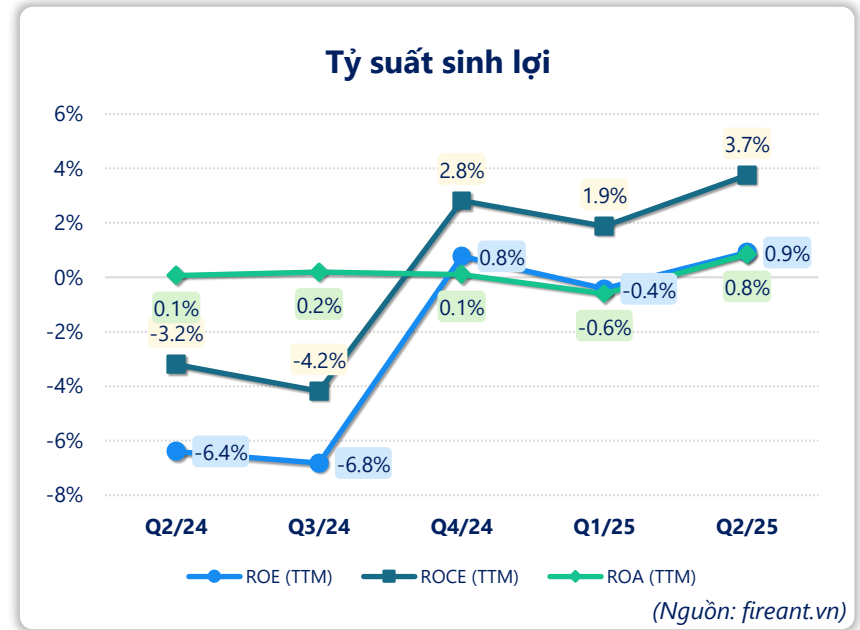
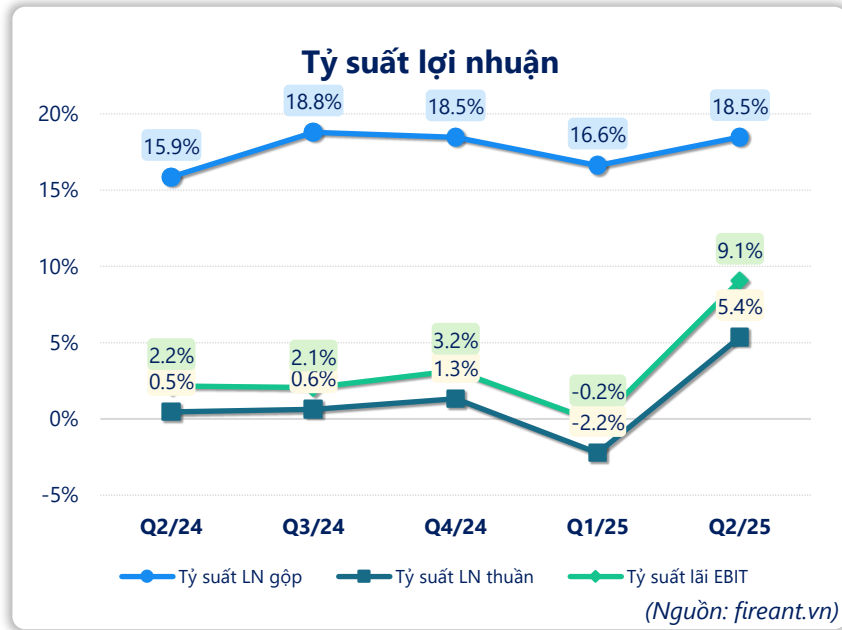
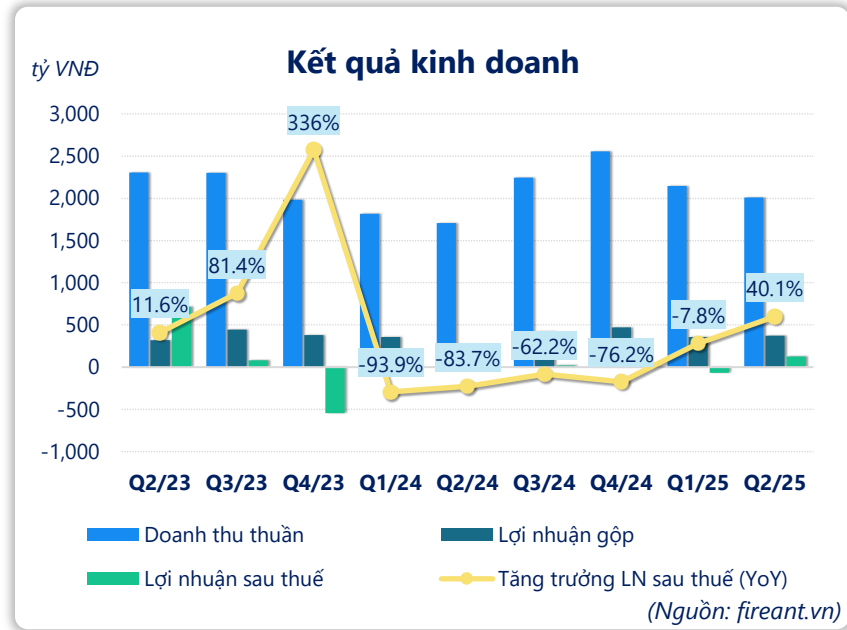


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		57,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		59,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		49,711
SL cổ phiếu LH		289,806,316
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,454,408
% sở hữu nước ngoài		16.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		16,664
P/E		255.2
EPS		225

	YTD	1T	3T	6T
KDC	-2.4%	5.5%	3.8%	-2.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,240	13,480	-1.8%
Tài sản ngắn hạn	6,256	6,299	-0.7%
Tiền và tương đương tiền	1,225	1,353	-9.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.40	174	-98.0%
Phải thu ngắn hạn	3,600	3,351	7.4%
Hàng tồn kho	1,269	1,274	-0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	159	147	8.5%
Tài sản dài hạn	6,983	7,180	-2.7%
Phải thu dài hạn	24.3	21.2	14.4%
Tài sản cố định	2,585	2,593	-0.3%
Bất động sản đầu tư	1,018	1,043	-2.4%
Tài sản dở dang	27.3	65.0	-58.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,253	2,253	0.0%
Tài sản dài hạn khác	295	367	-19.8%
Lợi thế thương mại	781	838	-6.8%
Nợ phải trả	6,019	6,214	-3.1%
Nợ ngắn hạn	4,847	4,582	5.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,944	3,188	23.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	239	692	-65.4%
Nợ dài hạn	1,172	1,632	-28.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	433	873	-50.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,220	7,265	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	7,220	7,265	-0.6%
Vốn điều lệ	2,898	2,898	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,708	2,244	2,556	2,146	2,011
Giá vốn hàng bán	1,437	1,822	2,084	1,789	1,639
Lợi nhuận gộp	271	422	472	357	372
Doanh thu HĐTC	45.0	34.7	45.0	33.7	127
Chi phí TC	28.6	32.6	48.2	53.2	53.6
Chi phí lãi vay	27.8	31.0	44.2	42.4	50.9
LN trong công ty LKLD	61.4	44.6	27.4	21.3	64.7
Chi phí bán hàng	243	326	321	285	278
Chi phí QLDN	98.4	128	141	121	123
LN thuần từ HĐKD	7.91	14.3	33.7	-47.8	108
Lợi nhuận khác	1.25	1.05	3.25	0.79	23.3
LN trước thuế	9.16	15.4	36.9	-47.0	131
Lợi nhuận sau thuế	10.1	21.5	13.8	-67.3	125
LNST của CĐ cty mẹ	7.66	24.4	13.2	-75.5	103

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-88.1	496	-531	0.91	-529
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	142	-1,303	66.5	76.6	74.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	77.0	528	461	501	-253
Tiền đầu kỳ	1,504	1,637	1,358	1,353	1,931
Lưu chuyển tiền thuần	131	-279	-3.46	579	-708
Ảnh hưởng tỷ giá	1.96	-0.02	0	0.00	1.23
Tiền cuối kỳ	1,637	1,358	1,355	1,931	1,225

(Nguồn: fireant.vn)